

Số: *1618* /SGDDĐT-TCCB
V/v hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện
và hình thức xét tuyển viên chức
ngành Giáo dục

Vinh Long, ngày *26* tháng 9 năm 2019

Kính gửi:

- Trưởng phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố;
- Giám đốc các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở.

Căn cứ Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Công văn số 1240/BGDĐT-NGCBQLGD, ngày 27 tháng 02 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển dụng giáo viên Tiếng Anh dạy tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch, chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Thông tư số 13/2014/TT-BNV, ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của liên bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV, ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện;

Căn cứ Công văn số 1813/BTTTT-CNTT, ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sử dụng chứng chỉ tin học trong tuyển dụng, nâng ngạch công chức; tuyển dụng, thăng hạng viên chức,

Căn cứ Thông tư số 16/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn khung danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin; Thông tư số 02/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ quy định mã số chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT, ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ Nội vụ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là Thông tư số 03/2019/TT-BNV);

Căn cứ Công văn số 804/SNV-TCCCVV ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện các quy định về xét tuyển viên chức;

Căn cứ Công văn số 866/SNV-TCCCVV ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Sở Nội vụ về việc ý kiến về tiêu chuẩn, điều kiện và hình thức xét tuyển viên chức ngành Giáo dục,

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng về điều kiện, tiêu chuẩn, hình thức xét tuyển viên chức ngành Giáo dục như sau:

I. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN XÉT TUYỂN

1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung

1.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- c) Có lý lịch rõ ràng;
- d) Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật;
- đ) Có đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ, do cơ quan y tế cấp huyện trở lên chứng nhận (có giá trị trong vòng 12 tháng);
- e) Có văn bằng, chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm dự tuyển;

h) Các điều kiện bổ sung đối với viên chức giảng dạy (giáo viên)

- Không có dị dạng về thể hình;

- Không phát âm lắp.

1.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển.

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể

2.1. Giáo viên mầm non (hạng IV - V.07.02.06)

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2.2. Giáo viên tiểu học (hạng IV - V.07.03.09)

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm tiểu học trở lên hoặc trung cấp sư phạm các chuyên ngành phù hợp;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (trừ người dự tuyển vị trí giảng dạy môn Tin học).

Riêng người dự tuyển vào vị trí giáo viên dạy môn Tiếng Anh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có đủ năng lực ngôn ngữ bậc 4 đối với những người tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Tiếng Anh, bậc 5 đối với những người tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh theo Đề án ngoại ngữ 2020.

- Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Tiếng Anh tiểu học do cơ sở đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định cấp;

- Trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.3. Giáo viên trung học cơ sở (hạng III - V.07.04.12)

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm đúng chuyên ngành đăng ký dự tuyển trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (trừ người dự tuyển vị trí giảng dạy môn Tin học).

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ: Có đủ năng lực ngôn ngữ bậc 4 (theo Đề án ngoại ngữ 2020) và thi trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.4. Giáo viên trung học phổ thông (hạng III - V.07.05.15)

a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (trừ người dự tuyển vị trí giảng dạy môn Tin học).

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ: Có đủ năng lực ngôn ngữ bậc 5 đối với những người tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh (theo Đề án ngoại ngữ 2020) và trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.5. Nhân viên Văn thư (Mã số: 02.008)

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành văn thư lưu trữ, nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng quản lý nhà nước và nghiệp vụ ngành văn thư trung cấp;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2.6. Nhân viên Thư viện (hạng IV - Mã số: V.10.02.07)

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2.7. Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm (Mã số: V.07.07.20)

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học) trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc đối với những địa phương yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên thiết bị, thí nghiệm.

2.8. Nhân viên Công nghệ thông tin (Quản trị viên hệ thống hạng IV - Mã số V11.06.15)

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên các ngành đúng hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc đối với những địa phương yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh Quản trị viên hệ thống hạng IV.

Lưu ý:

- Chứng chỉ ngoại ngữ, Tin học theo từng vị trí dự tuyển phải do cơ sở giáo dục có đủ thẩm quyền cấp phát theo quy định và còn giá trị sử dụng đến thời điểm kết thúc nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của kỳ xét tuyển.

- Việc quy đổi giá trị tương đương của các chứng chỉ ngoại ngữ và tin học thực hiện theo Công văn 4277/UBND-VX ngày 10 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh Vĩnh

Long “về việc chấp nhận quy đổi giá trị tương đương của các chứng chỉ ngoại ngữ và tin học trên địa bàn tỉnh”.

- Đối với nhân viên Thư viện, Thiết bị - thí nghiệm, Công nghệ thông tin: người được tuyển dụng sau khi hết thời gian tập sự phải bổ sung chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng để được bổ nhiệm hạng và xếp lương đúng theo quy định.

II. HÌNH THỨC XÉT TUYỂN

1. Vòng 1: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

2. Vòng 2

2.1. Dự tuyển vị trí giáo viên: Người dự tuyển thực hành soạn giáo án một hoạt động học đối với bậc Mầm non/1 tiết dạy đối với các cấp học còn lại (thời gian 1 hoạt động học/1 tiết dạy theo quy định cụ thể đối với từng bậc học, cấp học); thuyết trình về một hoạt động học hoặc một phần kiến thức của giáo án; trả lời phỏng vấn. Thời gian thực hành cụ thể như sau:

- Phân soạn giáo án: 120 phút;
- Phần thuyết trình về một hoạt động học hoặc một phần kiến thức của giáo án: không quá 15 phút;
- Phần trả lời phỏng vấn: không quá 10 phút.

Điểm thực hành được tính theo thang điểm 100 trong đó soạn giáo án một giờ dạy/ tiết dạy 30 điểm, thuyết trình về một hoạt động học hoặc một phần kiến thức của giáo án 40 điểm, trả lời phỏng vấn 30 điểm.

a) Phần thực hành soạn giáo án: những người dự tuyển cùng vị trí sẽ soạn giáo án cùng một đề theo hình thức tập trung, mỗi phòng bố trí không quá 24 người. Đề được chọn thông qua bốc thăm ngẫu nhiên trong số các đề theo quy định của Hội đồng.

- Bậc học Mầm non: người dự tuyển soạn giáo án một hoạt động học trong chương trình lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (lớp chồi).

- Cấp Tiểu học: người dự tuyển vị trí giáo viên chủ nhiệm lớp sẽ soạn giáo án một tiết dạy môn Toán hoặc Tiếng Việt trong chương trình lớp 3; dự tuyển vị trí giáo viên dạy môn chuyên sẽ soạn giáo án một tiết dạy môn chuyên trong chương trình lớp 3.

- Cấp Trung học cơ sở: người dự tuyển của từng môn học sẽ soạn giáo án một tiết dạy trong chương trình lớp 7.

- Cấp Trung học phổ thông: người dự tuyển của từng môn học sẽ soạn giáo án một tiết dạy trong chương trình lớp 10.

b) Phần thuyết trình và trả lời phỏng vấn: sau khi kết thúc soạn giáo án, người dự tuyển sẽ bốc thăm thứ tự để thuyết trình và trả lời phỏng vấn.

- Nội dung thuyết trình xoay quanh một đơn vị kiến thức hoặc một hoạt động có trong giáo án người dự tuyển đã soạn;

- Nội dung phỏng vấn xoay quanh nội dung giáo án người dự tuyển đã soạn.

2.2. Dự tuyển các vị trí nhân viên: người dự tuyển thực hành lập kế hoạch cho công việc gắn với vị trí tuyển dụng theo yêu cầu của Hội đồng; thuyết trình về một nội dung của kế hoạch; trả lời phỏng vấn xoay quanh nội dung kế hoạch. Thời gian thực hành cụ thể như sau:

- Lập kế hoạch cho công việc gắn với vị trí tuyển dụng: trong 90 phút;
- Thuyết trình về một nội dung của kế hoạch: không quá 10 phút;
- Trả lời phỏng vấn xoay quanh nội dung kế hoạch: không quá 10 phút.

Điểm thực hành được tính theo thang điểm 100 trong đó thực hành lập kế hoạch 30 điểm, thuyết trình về một nội dung của kế hoạch 30 điểm, trả lời phỏng vấn 40 điểm.

a) Phần thực hành lập kế hoạch: những người đăng ký dự tuyển của cùng vị trí việc làm sẽ thực hành lập kế hoạch theo hình thức tập trung.

b) Phần thuyết trình và trả lời phỏng vấn: sau khi kết thúc phần thực hành lập kế hoạch, người dự tuyển sẽ bốc thăm thứ tự để thuyết trình và trả lời phỏng vấn.

Lưu ý: tại vòng 2, tùy vào số lượng người dự tuyển của từng vị trí mà Hội đồng xét tuyển có kế hoạch tổ chức hợp lý để đảm bảo phần soạn giáo án (hoặc lập kế hoạch), thuyết trình và trả lời phỏng vấn của mỗi người dự tuyển phải kết thúc trong ngày, không kéo dài sang ngày hôm sau. Nếu có nhiều người dự tuyển của cùng một vị trí thì bố trí đủ thành viên Ban kiểm tra sát hạch để hoàn thành sát hạch trong ngày hoặc bố trí người dự tuyển của cùng một vị trí thành các nhóm, mỗi ngày hoàn thành sát hạch của một nhóm.

2.3. Hội đồng xét tuyển căn cứ các quy định tại Điều 3, 4 Quy chế tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp ban hành kèm Thông tư số 03/2019/TT-BNV và các quy định có liên quan để quy định cụ thể trách nhiệm của những người tham gia xây dựng đề và phần coi thực hành soạn giáo án (hoặc lập kế hoạch); phân bốc thăm thuyết trình và phỏng vấn đảm bảo các quy định tại Điều 4, 5 Quy chế tổ chức xét tuyển công chức, viên chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm Thông tư 03/2019/TT-BNV và các quy định có liên quan.

2.4. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thuyết trình, phỏng vấn.

Trên đây là hướng dẫn về điều kiện, tiêu chuẩn, hình thức xét tuyển viên chức ngành Giáo dục. Yêu cầu thủ trưởng các đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện đảm bảo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc về điều kiện, tiêu chuẩn, hình thức xét tuyển các đơn vị báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo qua Phòng Tổ chức - Cán bộ, ĐT: 0270 3827260 để được hỗ trợ kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (để chỉ đạo);
- UBND cấp huyện (để chỉ đạo);
- Các phòng CM, NV Sở (để phối hợp);
- Các phòng GDĐT (để thực hiện);
- Các trung tâm GDNN-GDTX (để thực hiện);
- Các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT (để thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Thị Quyên Thanh